

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2022/HS-ST
Ngày: 27-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cao

Ông Nguyễn Ngọc Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Trên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Văn Ph1, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Ấp 3, xã Tân B, huyện Bến L, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Trần Văn D (chết) và bà Nguyễn Thị Đ (chết); Bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Thu H và có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005; Tiền sự: không; Tiền án: 01

Tại Bản án số: 71/2020/HS-ST ngày 12/8/2020, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt Trần Văn Ph1 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/11/2020, chưa xóa án tích.

Nhân thân:

- Tại Bản án số: 34/1997/HSST ngày 26/7/1997, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt Trần Văn Ph1 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, đã xóa án tích;

- Tại Bản án số: 97/2005/HSST ngày 08/11/2005, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt Trần Văn Ph1 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/7/2006, đã xóa án tích.

- Tại Bản án số: 36/2009/HSPT ngày 02/4/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt Trần Văn Ph1 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/3/2011, đã xóa án tích.

- Tại Bản án số: 266/2012/HSST ngày 14/9/2012, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Trần Văn Ph1 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/02/2014, đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2022 cho đến nay (có mặt).

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 4, xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Lê Đình Q, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 1A, xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2. Ông Lưu Hoàng S, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 9/1, khu phố Hưng Th, thị trấn Cần Th, huyện Cần G, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Ấp 1A, xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An.

3. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1966 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Tân B, huyện Bến L, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:* Ông Bùi Tấn Ph, sinh năm 1977 (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/8/2020, Trần Văn Ph1 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/11/2020, chưa được xóa án tích. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 05/5/2022, Ph1 điều khiển xe đạp đi từ nhà ngụ tại ấp 3, xã Tân Bửu đến khu đất trồng vườn ươm cây của bà Nguyễn Thị Tuyết Ng thuộc Khu dân cư Nam Long, ấp 4, xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An với mục đích tìm tài sản của người dân trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ph1 quan sát xung quanh thấy không người trông coi, bên trong khu đất có nhiều thanh sắt, Ph1 lấy 04 thanh sắt đem đi cất giấu gồm: 01 thanh sắt cách vườn ươm khoảng 100m, 03 thanh sắt còn lại cất giấu cách vườn ươm khoảng 200m, rồi Ph1 điều khiển xe đạp chạy về nhà.

Khoảng 06 giờ cùng ngày, Ph1 đi xe buýt đến vừa thu mua phế liệu của ông Lê Đình Q ngụ tại ấp 1A, xã An Thạnh hỏi ông Q có mua sắt vụn không, Ph1 nói sắt nhặt được của các công trình xây dựng thì ông Q đồng ý mua với giá 9.000đồng/kg. Sau đó, ông Q dùng xe lôi tự chế chở Ph1 cùng ông Lưu Hoàng S là người làm thuê cho ông Q chạy xe đến nơi Ph1 cất giấu 04 thanh sắt để chở đến điểm thu mua phế liệu. Khi Ph1 và ông S khiêng sắt lên xe thì bị ông Bùi Tấn Ph phát hiện, trình báo Công an xã An Thạnh bắt giữ Ph1 cùng tang vật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐG ngày 10/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bến Lức, tiến hành định giá và kết

luận: 01 thanh sắt dài 06m, đường kính 0,18m; 01 thanh sắt dài 4,1m, đường kính 0,3m; 01 thanh sắt hình thang dài 2,55m, rộng 0,4m; 01 thanh sắt hình thang gãy một bên dài 2,5m, rộng 0,4m. Tổng trọng lượng 105kg, trị giá 1.050.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Tuyết Ng trình bày: Các tài sản gồm: 01 thanh sắt dài 06m, đường kính 0,18m; 01 thanh sắt dài 4,1m, đường kính 0,3m; 01 thanh sắt hình thang dài 2,55m, rộng 0,4m; 01 thanh sắt hình thang gãy một bên dài 2,5m, rộng 0,4m là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Ng. Bà Ng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức trả lại các tài sản này nên bà Ng không yêu cầu bị cáo Ph1 phải bồi thường về dân sự; về trách nhiệm hình sự, bà Ng đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà H là vợ của bị cáo Ph1, chiếc xe đạp màu bạc trắng là tài sản riêng của bà H. Ngày 05/5/2022, bị cáo Ph1 mượn xe đạp của bà H để đi làm; bà H không biết việc bị cáo đi trộm tài sản của bà Ng. Do đó, bà H yêu cầu trả lại chiếc xe đạp cho bà H.

Bị cáo Trần Văn Ph1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Hành vi của bị cáo bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng tội bị cáo.

Tại Bản Cáo trạng số 68/CT-VKSBL ngày 23/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Trần Văn Ph1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173. Tại phiên tòa, trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức vẫn giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn Ph1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn Ph1 từ 09 tháng đến 01 năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bị bệnh tai biến, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị căn cứ khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Ng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự nên đề nghị không xét đến.

- Về vật chứng, tang vật của vụ án: 01 (một) chiếc xe đạp cơ, màu bạc trắng là tài sản của bà H. Bà H cho bị cáo Ph1 mượn xe đạp để đi làm, bà H không biết bị cáo dùng xe đạp làm phương tiện phạm tội. Do đó, đề nghị căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại tài sản này cho bà H.

Lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên; Viện

kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng vắng mặt nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi của bị cáo: Bị cáo Ph1 khai nhận tại tòa, do cần tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo nảy sinh ý định tìm tài sản của người dân trộm cắp bán lấy tiền. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 05/5/2022, bị cáo phát hiện tại khu đất trồng vườn ươm cây của bà Ng thuộc khu dân cư Nam Long, ấp 4, xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An có nhiều thanh sắt, không người trông coi, bị cáo quan sát xung quanh không thấy người dân, bị cáo lén lút lấy 04 thanh sắt đem đi cất giấu. Sau đó, bị cáo tìm người đến vận chuyển đem đi tiêu thụ thì bị Công an xã An Thạnh phát hiện, bắt giữ bị cáo cùng tang vật. Bị cáo thống nhất nội dung kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐG ngày 10/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Lức đã định giá tài sản bị cáo lấy trộm là 1.050.000đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của bị hại và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Ph1 là người có đầy đủ năng lực, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhưng với bản chất tham lam, động cơ mục đích vụ lợi. Bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Ng gồm 04 thanh sắt, trị giá 1.050.000đồng. Tài sản bị cáo trộm cắp chưa đủ định lượng để cấu thành tội trộm cắp tài sản; tuy nhiên, bản thân bị cáo ngày 12/8/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa xóa án tích; bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới với lỗi cố ý trực tiếp nên đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, hiện tại bị cáo bị bệnh tai biến, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn; tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi, trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo đã thực hiện gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị Tòa án kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không nhìn nhận hành vi phạm tội của mình mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới, thể hiện sự xem thường pháp luật. Xét tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng, nghiêm khắc và cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích tại mục [4] để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù là phù hợp với tính chất của vụ án và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bị bệnh tai biến, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8] Về vật chứng, tang vật của vụ án:

- 01 thanh sắt dài 06m, đường kính 0,18m; 01 thanh sắt dài 4,1m, đường kính 0,3m; 01 thanh sắt hình thang dài 2,55m, rộng 0,4m; 01 thanh sắt hình thang gãy một bên dài 2,5m, rộng 0,4m là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Ng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức đã trả lại tài sản này cho bà Ng là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xét đến;

- 01 (một) xe lôi tự chế là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Q. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức đã trả lại tài sản này cho ông Q là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xét đến;

- 01 (một) chiếc xe đạp cơ, màu bạc trắng là tài sản của bà Nguyễn Thị Thu H. Bà H cho bị cáo Ph1 mượn xe đạp để đi làm, bà H không biết bị cáo dùng xe đạp làm phương tiện phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại tài sản này cho bà H.

[9] Về hành vi của đối tượng liên quan: Đối với hành vi của ông Lê Đình Q, ông Lưu Hoàng S không biết bị cáo Ph1 bán tài sản do trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức không xử lý hình sự đối với ông Q, ông S là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Văn Ph1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Ph1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều

50; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Ph1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05/5/2022.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn Ph1 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (là ngày 27/9/2022) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng, tang vật của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H 01 (một) chiếc xe đạp cơ, màu bạc trắng, đã qua sử dụng (vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/8/2022).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Văn Ph1 phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Bến Lức;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Đông